

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Hoài

Ông Lê Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mộc Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** anh **Lê Văn P**, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 022089000745; nơi thường trú: tổ A, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh), có mặt.

2. **Bị đơn:** chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1994; Căn cước công dân số: 022194000446 nơi thường trú: tổ A, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh); nơi ở khi Tòa án thụ lý vụ án: Hàn Quốc (không rõ địa chỉ), đã về Việt Nam từ ngày 03/8/2025. Có mặt.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** ông **Lê Văn T**, sinh năm 1953, Căn cước công dân số: 022053004295 và bà **Vũ Thị T1**, sinh năm 1957, Căn cước công dân số: 022157001090; đều có nơi thường trú: tổ A, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh). Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Văn P trình bày:

Anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Y, tỉnh Quảng Ninh) ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N sống không chung thủy, vì con cái nên anh P đã tha thứ, khắc phục mâu thuẫn. Đến năm 2023, chị N lại chơi cờ bạc khiến cho gia đình lâm vào cảnh nợ nần, anh P vẫn cố gắng cùng chị N trang trải cuộc sống; vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đến tháng 02/2024 chị N đã đi Hàn Quốc lao động. Trong thời gian chị N đi lao động tại Hàn Quốc, anh P lại phát hiện chị N ngoại tình với người khác, anh P không thể chịu đựng thêm được nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh P được ly hôn với chị N.

- Về con chung: anh P và chị N có ba con chung là Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013; Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016 và Lê Vũ Phương K, sinh ngày 25/10/2021. Anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung trưởng thành và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Từ ngày 03/8/2025, chị N đã về nước và sinh sống tại nhà mẹ đẻ thuộc tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh. Chị N xác định là không đi lao động tại nước ngoài nữa, chị N có quan điểm: khi ly hôn, chị N muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Vũ Phương K, sinh ngày 25/10/2021 cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho con. Chị N đồng ý để anh P là người trực tiếp nuôi các con chung Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016 cho đến khi thành niên. Anh P đồng ý với quan điểm của chị N về phần nuôi con.

Do thời gian tới đây (trong tháng 8/2025), anh P đi Hàn Quốc lao động, nên anh P ủy quyền cho bố mẹ đẻ của anh P là ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1 là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016 giúp anh P.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Lê Văn P không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Tại Bản tự khai đề ngày 07/8/2025 và trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Vũ Thị N trình bày:* chị Vũ Thị N và anh Lê Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Y, tỉnh Quảng Ninh) ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh P thuộc tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh.

Đến năm 2023, vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân do quan điểm sống bất đồng. Đến năm 2024, chị N đi lao động tại Hàn Quốc; đến tháng 10/2024, anh P cũng đi Hàn Quốc làm việc nhưng không ở cùng với chị N vì làm cách xa chỗ chị N; thỉnh thoảng chị N và anh P có nói chuyện với nhau về con cái. Thời gian đầu, chị N và anh P có cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ khi chị N còn ở Hàn Quốc, em trai chị N là Vũ Văn T2, sinh năm 2000; nơi thường trú: tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh đã thông báo cho chị N biết về việc: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung của anh P đối với chị N. Chị N đã hết thời hạn lao động tại Hàn Quốc và đã về nước từ ngày 03/8/2025, hiện đang ở tại nhà mẹ đẻ tại tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng

Ninh. Chị N xác định không còn tình cảm với anh P, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh P và chị N ly hôn, chị N đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết để chị N và anh P ổn định cuộc sống.

- Về con chung: chị N và anh P có ba con chung đúng như anh P trình bày. Khi ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao con chung Lê Vũ Phương K, sinh ngày 25/10/2021 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Vũ Phương K. Còn hai con chung Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016, chị N đồng ý để anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho các con chung, chị N sẽ có trách nhiệm với các con chung theo điều kiện kinh tế của chị N (không ghi vào quyết định, bản án của Tòa án). Chị N đồng ý với việc: nếu anh P tiếp tục đi Hàn Quốc lao động thì ủy quyền cho bố mẹ đẻ của anh P là ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1 là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Lê Thị Hồng D và Lê Công N1 thay cho anh P. Chị N ở nhà mẹ đẻ, gần nhà anh P sẽ qua lại thăm nom, chăm sóc các con cùng bố mẹ anh P.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị N sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 08/7/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1, trình bày: ông T và bà T1 là bố mẹ đẻ của anh P, chị N là vợ anh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh P chung sống cùng nhà với ông bà, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do chị N đánh bạc trên mạng làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình; từ đầu năm 2024, chị N đi lao động tại Hàn Quốc mục đích để kiếm tiền trả nợ. Đến tháng 10/2024, anh P cũng sang Hàn Quốc lao động thì phát hiện chị N có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên gia đình đã khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh P muốn ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn nuôi dạy con cái, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh P. Ông bà đồng ý, chấp nhận quan điểm của anh P về phần nuôi con vì từ khi anh P và chị N đi lao động tại Hàn Quốc thì các con chung của anh P và chị N do ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Do thời gian tới đây (trong tháng 8/2025), anh P lại tiếp tục sang Hàn Quốc làm việc nên ông bà đồng ý nhận sự ủy quyền của anh P về việc: ông bà là người tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của anh P và chị N. Ông bà không yêu cầu anh P và chị N cấp dưỡng nuôi các cháu vì thực tế anh P và chị N vẫn gửi tiền về để ông bà lo cuộc sống cho các cháu. Do ông bà tuổi đã cao, đường xá đi lại đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh rất xa, nên đề nghị Tòa án cho ông bà được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp, phiên tòa do Tòa án tiến hành để giải quyết vụ án xin ly hôn của anh P đối với chị N.*

* *Tại Công văn số: 2626/XNC(Đ1) ngày 03/7/2025 v/v trao đổi kết quả kiểm tra thông tin xuất nhập cảnh của Công an tỉnh Q, thể hiện nội dung: trường hợp Vũ Thị N, sinh ngày 19/01/1994: đã xuất, nhập cảnh 08 lần; chưa có thông tin nhập cảnh.*

* *Tại Biên bản ghi nguyên vọng đề ngày 08/7/2025, cháu Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và cháu Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016, đều là con chung của anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N, thể hiện nội dung: hiện nay các cháu đều đang ở cùng ông bà nội và bố Lê Văn P tại tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh. Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyên vọng ở cùng với bố.*

* *Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 08/7/2025, người làm chứng anh Vũ Văn T2, sinh năm 2000; địa chỉ: tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, thể hiện nội dung: anh T2 là em trai của chị N, anh P là anh rể (chồng chị N). Chị N và anh P sang Hàn Quốc làm việc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, còn cụ thể nguyên nhân thì anh T2 không rõ. Anh T2 không biết nơi ở, nơi làm việc của chị N tại Hàn Quốc, có việc gì thì chị N liên lạc với gia đình. Anh T2 và chị N vẫn liên lạc được với nhau qua mạng xã hội (facebook) nhưng thường do chị N chủ động liên lạc. Anh T2 đã nhận văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn của anh P đối với chị N của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, anh T2 cam đoan sẽ thông báo cho chị N được biết và thông báo cho chị N biết về việc: chị N có quyền viết bản tự khai thể hiện quan điểm của chị N đối với các yêu cầu khởi kiện của anh P, cũng như có nghĩa vụ về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: khu đô thị C, phường C, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị N (bản tự khai của chị N phải được hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan ngoại giao nơi chị N đang sinh sống, làm việc và gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh).*

* *Ngày 23/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã gửi Văn bản số: 68/2025/CV-TA cho anh Vũ Văn T2, sinh năm 2000; địa chỉ: tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh, về việc: đề nghị anh T2 cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của chị Vũ Thị N tại Hàn Quốc; đề nghị anh T2 thông báo cho chị N biết về việc: chị N có quyền, nghĩa vụ viết bản tự khai thể hiện quan điểm của chị N đối với các yêu cầu khởi kiện của anh P gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh trước ngày 08/8/2025 hoặc chị N về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị N.*

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn P như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện, quan điểm của nguyên đơn anh Lê Văn P; quan điểm của bị đơn chị Vũ Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T - bà Vũ Thị T1.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn P, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; tại thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý vụ án, bị đơn chị Vũ Thị N, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: tổ A, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ A, khu H, phường Y, tỉnh Quảng Ninh); nơi ở tại Hàn Quốc. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điều 4 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1 đều vắng mặt tại phiên toà, đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp, phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Y, tỉnh Quảng Ninh) ngày 15/10/2012, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh P và chị N đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Theo anh P và chị N trình bày về thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; về nguyên nhân mâu thuẫn như nêu trên, tuy còn mâu thuẫn với nhau nhưng tại phiên tòa anh P và chị N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh P và chị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Vũ Phương K, sinh ngày 25/10/2021, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng cho con với nhau; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cho ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1 là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016 của anh P và chị N trong thời gian anh P sinh

sống, làm việc tại nước ngoài.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh P và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh P là người chịu án phí giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, anh P và chị N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh P và chị N là Lê Thị Hồng D và Lê Công N1; phù hợp với quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1. Tuy nhiên, do ông T và bà T1 vắng mặt tại phiên tòa nên không công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, quan điểm của nguyên đơn anh Lê Văn P; quan điểm của bị đơn chị Vũ Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T - bà Vũ Thị T1 về việc giải quyết vụ án như nêu trên.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lê Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,...số: 85/2025/QH15. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn P được ly hôn với chị Vũ Thị N.

[2] Về con chung:

Giao cho anh Lê Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016, cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Tạm giao cháu Lê Thị Hồng D, sinh ngày 23/7/2013 và cháu Lê Công N1, sinh ngày 16/11/2016 cho ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh Lê Văn P sinh sống, làm việc tại nước ngoài.

Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Vũ Kiều P1, sinh ngày 25/10/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N, không phải cấp dưỡng cho con với nhau.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu anh Lê Văn P hoặc chị Vũ Thị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Văn P hoặc chị Vũ Thị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy anh Lê Văn P hoặc chị Vũ Thị N, không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì anh Lê Văn P hoặc chị Vũ Thị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Lê Văn P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006060 ngày 23/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Q).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Lê Văn P và chị Vũ Thị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Lê Văn T và bà Vũ Thị T1 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Hằng